

Bản án số: 105/2021/DS-PT

Ngày: 28 - 5 - 2021

V/v “Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài
hợp đồng do tài sản bị xâm phạm”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Phương

Ông Ninh Quang Thế

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy An là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thuý Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 93/2021/TLPT-DS ngày 04 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2021/DS-ST ngày 25/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 96/2021/QĐXX-PT ngày 13 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Ngô Minh L, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 6A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Thanh M, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp H, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của ông Trần Thanh M: Bà Lê Thị T, (Theo Văn

bản ủy quyền ngày 25/3/2021).

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị T, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày: Vợ chồng bà Lê Thị T, ông Trần Thanh M có phần đất có diện tích khoảng 08 công tầm nhỏ tọa lạc ấp T1, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau. Phần đất này có vị trí liền kề với phần đất của ông Ngô Minh L, giữa 02 phần đất có 01 bờ đôi khoảng hơn 04 mét (bên bà T sử dụng khoảng 07 – 08 tấc, còn lại là của ông L). Vào khoảng tháng 6/2020 dương lịch ông L có mức đất làm hầm tôm công nghiệp, quá trình mức đất làm hầm tôm thì thợ xáng cuốc mức đất cặp bờ của bà T đắp qua bờ của ông L làm phần bờ của bà T bị trũng xuống, lượng đất mức đi không xác định được, nhưng xác định được chiều dài đường mương là 45 mét x ngang hơn 02 mét x độ sâu khoảng 1,4 mét). Sự việc này bà T có trình báo với chính quyền địa phương và tại buổi hòa giải vào ngày 27/11/2020, kết luận ông L phải bồi thường cho bà T tổng số tiền là 10.000.000 đồng nhưng ông L không thực hiện. Sự việc kéo dài gây thiệt hại cho bà T nên bà yêu cầu ông L có trách nhiệm bồi thường tổng số tiền là 40.000.000 đồng, trong đó:

+ Nguồn lợi tôm và cua chết do xì phèn và tôm cua đi khỏi vuông do thủy triều là 20.000.000 đồng.

+ Giá trị đất bà T bị mất do bị mức đi là 15.000.000 đồng, tiền công đổ đất trả lại và sửa bờ là 5.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T và ông M xác định thiệt hại về đất thực tế là khoản 90 gàu đất, đồng thời rút một phần nội dung khởi kiện, chỉ yêu cầu ông L bồi thường tổng số tiền 20.000.000 đồng.

Bị đơn ông Ngô Minh L trình bày: Ông L có 01 phần đất liền kề với đất bà T, giữa 02 phần đất có 01 bờ đôi khoảng 04 mét (bà T sử dụng khoảng 05 tấc, còn lại của ông L). Vào tháng 01/2020 âm lịch ông L thuê người mức đất làm 04 hầm tôm. Ông L thừa nhận ông có lỗi trong việc thiếu giám sát dẫn đến thợ xáng cuốc tự ý mức đất bên phần đất của bà T để lấp lỗ mọi bên phần đất của ông; tuy nhiên, ông không đồng ý mức bồi thường do bà T đặt ra, ông chỉ đồng ý bồi thường tổng số tiền 4.000.000 đồng (Trong đó: Tiền đất mức đi và tiền sửa chữa khắc phục 1.500.000 đồng, tiền công vận chuyển đất 1.000.000 đồng, tôm cua 1.500.000 đồng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh M trình bày: Đồng ý với ý kiến bà T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2021/DS-ST ngày 25/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị T. Buộc bị đơn Ngô Minh L có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho nguyên đơn Lê Thị T số tiền 4.000.000 đồng.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị T yêu cầu bị đơn Ngô Minh L bồi thường thiệt hại về tài sản là 16.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 06/4/2021, nguyên đơn bà Lê Thị T có đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu ông L bồi thường 20.000.000 đồng, gồm 17.500.000 đồng về đất và 2.500.000 đồng tôm cua bị chết.

Đối với khối lượng đất phải đắp khoảng 70 đến 80 gàu, mỗi gàu đất giá 10.000 đồng, công vận chuyển khoảng 50.000 đồng một gàu đất, bởi vì không thể dùng xáng mức để đắp bờ mà phải vận chuyển từng gàu từ trên bờ đến nơi đắp đất khoảng 30m.

- Bị đơn trình bày: Cán bộ áp có lợi xuống hiện trường đo cái bờ bị trũng có chiều dài khoảng 45m, lượng đất phải đắp khoảng 100 gàu, giá đất 10.000 đồng và công vận chuyển mỗi gàu khoảng 30.000 – 40.000 đồng. Ông L đồng ý bồi thường 4.000.000 đồng để đắp lại cái bờ và 1.500.000 đồng thiệt hại tôm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận sự tự nguyện của ông L tại phiên tòa phúc thẩm là bồi thường tổng số tiền 5.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng

Xét kháng cáo của bà Lê Thị T thực hiện trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Ông Trần Thanh M ủy quyền cho bà Lê Thị T theo Giấy ủy quyền ngày 25/3/2021, việc ủy quyền trên phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị T, yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện, yêu cầu ông L bồi thường 20.000.000 đồng, trong đó 17.500.000 đồng chi phí đắp lại cái bờ và 2.500.000 đồng tôm cua chết do nguồn nước bị xì phèn

Qua xem xét toàn bộ chứng cứ trong hồ sơ và lời trình bày của hai đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, nhận thấy:

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về đất: Bà T trình bày do ông L thuê nhân công đưa xáng mức 4 hằm nuôi tôm công nghiệp, quá trình thi công do mức đất sát bờ vuông bà T dẫn đến cái bờ bị trũng xuống với chiều dài 45m, lượng đất đắp lại cái bờ khoảng 70-80 gàu, giá tiền đất và tiền công mỗi gàu là 60.000 đồng. Về phía ông L cũng xác nhận có lỗi không giám sát nhân công cho nên nhân công lấy khoảng 10 gàu đất đắp lại lỗ mọi và ông L xác nhận phần bờ bị trũng đo đạc có chiều dài khoảng 45m, ông đồng ý hỗ trợ cho bà T 4.000.000 đồng vì giá mỗi gàu đất 10.000 đồng, công vận chuyển khoảng 30.000 – 40.000 đồng/gàu. Như vậy, ông L tự nguyện hỗ trợ 4.000.000 đồng là tương đương với số tiền mà bà T yêu cầu đối với đắp lại cái bờ, cho nên chấp nhận sự tự nguyện của bị đơn bồi thường cho nguyên đơn 4.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu của bà T bồi thường thiệt hại do mức đất ở dưới vuông của bà. Ông L không thừa nhận có thiệt hại này vì nhân công không có mức đất dưới vuông của bà T. Xét thấy, từ khi phía ông L thi công đến khi bà T phát hiện mình bị thiệt hại với thời gian dài cho nên không giữ được hiện trường, do đó khi cấp sơ thẩm xem xét thẩm định tại chỗ không phản ánh hết được thiệt hại như lời trình bày của bà T. Theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, nghĩa vụ chứng minh thuộc về đương sự, do bà T không có căn cứ pháp lý để chứng minh có thiệt hại do phía ông L mức đất ở dưới vuông cho nên không có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về tôm cua: Bà T yêu cầu bồi thường 2.500.000 đồng vì nguồn nước xì phèn dẫn đến tôm cua chết và khi nước thủy triều dâng thì tôm cua đi ra khỏi vuông. Trên thực tế có thể thu hoạch không có tôm cua, nhưng nguyên nhân thì không có cơ sở khoa học để xác định và bà T cũng không có căn cứ pháp lý xác nhận số tôm cua bị thiệt hại bao nhiêu. Phía ông L không thừa nhận có lỗi dẫn đến tôm cua bị chết, do không có căn cứ để chứng minh ông L có lỗi trong việc tôm cua của bà T bị chết và ra khỏi vuông nên không thể buộc bồi thường. Tuy nhiên, ông L tự nguyện hỗ trợ 1.500.000 đồng được chấp nhận.

[3] Từ nhận định trên, chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị T. Sửa một phần bản án sơ thẩm số: 41/2021/DS-ST ngày 25/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau theo hướng chấp nhận sự tự nguyện của bị đơn Ngô Minh L bồi thường cho bà T số tiền 5.500.000 đồng (tiền thiệt hại về đất 4.000.000 đồng, thiệt hại về tôm cua 1.500.000 đồng).

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí phúc thẩm: Bà Lê Thị T không phải chịu đã dự nộp được nhận lại; Án phí dân sự sơ thẩm có thay đổi do sửa bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị T. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2021/DS-ST ngày 25/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau.

Căn cứ các Điều 26, 147, 186, 227, 228, 244, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2015; Các Điều 158, 159, 164, 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH12 ngày 27 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị T. Buộc bị đơn Ngô Minh L có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho nguyên đơn Lê Thị T số tiền 5.500.000 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị T yêu cầu bị đơn Ngô Minh L bồi thường thiệt hại về tài sản là 14.500.000 đồng.

Kể từ ngày bà Lê Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, ông Ngô Minh L không tự nguyện thi hành thì còn phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm

Ông Ngô Minh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 300.000 đồng (chưa nộp).

Bà Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là 725.000 đồng. Bà T đã nộp số tiền tạm ứng án phí 1.000.000 đồng theo biên lai số 0004285 ngày 13/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau, được đối trừ, bà T được nhận lại 275.000 đồng.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị T không phải chịu, bà T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 tại biên lai số 0004036 ngày 06/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau nay được nhận lại toàn bộ.

4. Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiền

